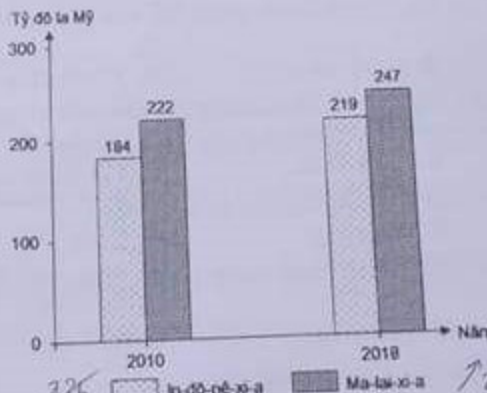


Họ, tên thí sinh: Đặng Lê Uyên Mã đề thi 305
Số báo danh: 3360 882

- Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết tỉnh nào sau đây có khu kinh tế ven biển?
A. Kon Tum. B. Gia Lai. C. Phú Yên. D. Lâm Đồng.
- Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp Quảng Ngãi có ngành nào sau đây?
A. Hóa chất, phân bón. B. Luyện kim màu. C. Luyện kim đen. D. Chế biến nông sản.
- Câu 43: Công nghiệp nước ta hiện nay
A. rất ít sản phẩm. B. còn thô sơ. C. chỉ có chế biến. D. thu hút nhiều đầu tư.
- Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết cửa sông nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?
A. Cửa Gianh. B. Cửa Thái Bình. C. Cửa Ba Lạt. D. Cửa Văn Úc.
- Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 3 đi qua địa điểm nào sau đây?
A. Bắc Kạn. B. Lạng Sơn. C. Bắc Giang. D. Hà Giang.
- Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết nơi nào sau đây có quặng sắt?
A. Chợ Đồn. B. Chiêm Hóa. C. Trại Cau. D. Tĩnh Túc.
- Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết Đồng Hới thuộc tỉnh nào sau đây?
A. Nghệ An. B. Quảng Trị. C. Quảng Bình. D. Hà Tĩnh.
- Câu 48: Cho biểu đồ:



GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A VÀ MA-LAI-XI-A NĂM 2010 VÀ 2018
(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

- Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi giá trị xuất khẩu năm 2018 so với năm 2010 của In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a?
A. In-đô-nê-xi-a tăng ít hơn Ma-lai-xi-a.
B. In-đô-nê-xi-a tăng nhanh hơn Ma-lai-xi-a.
C. Ma-lai-xi-a tăng và In-đô-nê-xi-a giảm.
D. Ma-lai-xi-a tăng gấp hai lần In-đô-nê-xi-a.
- Câu 49: Biện pháp bảo vệ nguồn lợi thủy sản ven bờ của nước ta là
A. khai thác hợp lí. B. tăng xuất khẩu. C. tăng cường đánh bắt. D. đẩy mạnh chế biến.
- Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết địa điểm nào có nhiệt độ trung bình năm cao nhất trong các địa điểm sau đây?
A. A Pa Chải. B. Lũng Cú. C. Móng Cái. D. Hà Tiên.
- Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết địa điểm nào sau đây nằm ở phía bắc mũi Đại Lãnh?
A. Mũi Dinh. B. Mũi Kê Gà. C. Mũi Né. D. Mũi Ba Làng An.

Trang 1/4 - Mã đề thi 305

- Câu 52: Khai thác than ở nước ta thuộc ngành công nghiệp nào sau đây?
A. Luyện kim. B. Năng lượng. C. Cơ khí. D. Hóa chất.
- Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng?
A. Hải Dương. B. Hạ Long. C. Thái Nguyên. D. Cẩm Phả.
- Câu 54: Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN VÀ SỐ DÂN THÀNH THỊ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2019
(Đơn vị: Triệu người)

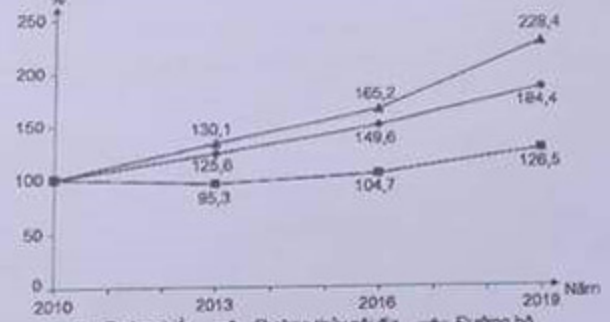
Quốc gia	Cam-pu-chia	Ma-lai-xi-a	Thái Lan	Mi-an-ma
Số dân	16,5	32,8	66,4	54,0
Số dân thành thị	3,9	24,9	33,1	16,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

- Theo bảng số liệu, cho biết quốc gia nào sau đây có tỉ lệ dân thành thị cao nhất?
A. Ma-lai-xi-a. B. Mi-an-ma. C. Cam-pu-chia. D. Thái Lan.
- Câu 55: Vấn đề cần quan tâm trong việc mở rộng diện tích đất trồng trọt ở Đông Nam Bộ là
A. chống chướng đất. B. chống bão. C. thủy điện. D. thủy lợi.
- Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết điểm du lịch nào sau đây có nước khoáng?
A. Bình Châu. B. Ninh Chữ. C. Vũng Tàu. D. Mũi Né.
- Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết sông Hậu đổ ra biển qua cửa nào sau đây?
A. Cửa Ba Lai. B. Cửa Định An. C. Cửa Cổ Chiên. D. Cửa Soi Rạp.
- Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết huyện Hoàng Sa thuộc tỉnh (thành phố) nào sau đây?
A. Phú Yên. B. Quảng Ngãi. C. Đà Nẵng. D. Quảng Nam.
- Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết tỉnh nào sau đây có cửa khẩu quốc tế Na Mèo?
A. Quảng Bình. B. Nghệ An. C. Thanh Hóa. D. Hà Tĩnh.
- Câu 60: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào có quy mô lớn nhất trong các trung tâm sau đây?
A. Bảo Lộc. B. Phan Thiết. C. Tây Ninh. D. Nha Trang.
- Câu 61: Nơi nào sau đây ở nước ta thường xảy ra lũ quét?
A. Vùng biển. B. Cửa sông. C. Đồng bằng. D. Miền núi.
- Câu 62: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có số lượng trâu nhiều hơn bò?
A. Điện Biên. B. Quảng Bình. C. Hà Tĩnh. D. Nghệ An.
- Câu 63: Nuôi trồng thủy sản của nước ta hiện nay
A. phát triển nhiều nơi ở vùng biển. B. hoàn toàn nuôi ở các hộ gia đình.
C. áp dụng rất ít những kĩ thuật mới. D. chỉ tập trung nuôi tôm xuất khẩu.
- Câu 64: Hệ thống đảo của nước ta
A. duy nhất phát triển hoạt động du lịch. B. hầu hết đều là các đảo lớn, đông dân.
C. là nơi tập trung nhiều loại khoáng sản. D. gồm nhiều đảo, chủ yếu nằm ven bờ.
- Câu 65: Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế của nước ta hiện nay
A. tăng tỉ trọng ở nông - lâm - ngư nghiệp. B. tăng tỉ trọng ở nhóm các ngành dịch vụ.
C. giảm tỉ trọng ở công nghiệp - xây dựng. D. không có thay đổi tỉ trọng ở các ngành.
- Câu 66: Các đô thị nước ta hiện nay
A. có số dân nhỏ và mật độ dân cư thấp. B. là thị trường tiêu thụ hàng hóa rộng.
C. chỉ duy nhất phát triển công nghiệp. D. đều là các trung tâm du lịch khá lớn.
- Câu 67: Cây công nghiệp lâu năm ở nước ta hiện nay
A. chỉ phân bố trên các cao nguyên. B. chủ yếu là có nguồn gốc cận nhiệt.
C. có cơ cấu cây trồng chưa đa dạng. D. tạo được các sản phẩm xuất khẩu.

Trang 2/4 - Mã đề thi 305

- Câu 68: Vùng nội thủy của biển nước ta
A. nằm ở phía trong đường cơ sở. B. bao gồm các quần đảo ở xa bờ.
C. hợp với lãnh hải rộng 12 hải lí. D. là phần nằm ngầm ở dưới biển.
- Câu 69: Việc chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta hiện nay
A. làm hạ thấp tỉ trọng công nghiệp. B. đang diễn ra với tốc độ rất nhanh.
C. đang theo hướng công nghiệp hóa. D. làm tăng cao tỉ trọng nông nghiệp.
- Câu 70: Hướng phát triển của ngành bưu chính nước ta hiện nay là
A. đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh. B. sử dụng lao động chưa qua đào tạo.
C. chỉ đầu tư các hoạt động công ích. D. tăng quy trình nghiệp vụ thủ công.
- Câu 71: Việc phát triển vùng chuyên canh nông nghiệp ở Tây Nguyên nhằm mục đích chủ yếu là
A. tạo nhiều nông sản, tăng vị thế của vùng. B. phát triển chế biến, phát huy các thế mạnh.
C. nâng hàng hóa, phát triển nguồn thu nhập. D. tạo phương thức sản xuất mới, bảo vệ đất.
- Câu 72: Giải pháp chủ yếu phát triển cây được liệu theo hướng sản xuất hàng hóa ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là
A. lập vùng chuyên canh, tăng năng suất, tạo thương hiệu sản phẩm.
B. sử dụng kĩ thuật mới, tăng diện tích, đẩy mạnh tiếp thị sản phẩm.
C. sản xuất tập trung, đẩy mạnh việc chế biến, phát triển thị trường.
D. gió tây nam và chế biến, đa dạng sản phẩm, nâng cao sản lượng.
- Câu 73: Cho biểu đồ về khối lượng hàng hóa vận chuyển của một số ngành vận tải nước ta giai đoạn 2010 - 2019:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

- Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?
A. Cơ cấu khối lượng hàng hóa. B. Tốc độ tăng trưởng khối lượng hàng hóa.
C. Chuyển dịch cơ cấu khối lượng hàng hóa. D. Quy mô khối lượng hàng hóa.
- Câu 74: Phần lãnh thổ phía Bắc (từ dãy Bạch Mã trở ra) có biên độ nhiệt độ năm lớn chủ yếu do tác động của
A. vị trí xa xích đạo, thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh, địa hình đa dạng.
B. thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh, gió, vị trí gần vùng ngoại chí tuyến.
C. địa hình có các núi cao, gió mùa hạ, thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh.
D. gió tây nam, Tin phong bán cầu Bắc, thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh.
- Câu 75: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH CÂY TRỒNG CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2019
(Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	2010	2013	2016	2019
Cây hàng năm	11214,3	11714,4	11798,6	11156,8
Cây lâu năm	2846,8	3078,1	3313,5	3546,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

- Theo bảng số liệu, để thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu diện tích cây trồng của nước ta giai đoạn 2010 - 2019, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?
A. Miền. B. Kết hợp. C. Đường. D. Tròn.

Trang 3/4 - Mã đề thi 305

- Câu 76: Khu vực thành thị nước ta có hoạt động nội thương phát triển mạnh chủ yếu do
A. mức sống dân cư cao, sản xuất phát triển. B. giao thông thuận lợi, nhiều điểm dịch vụ.
C. công nghiệp phát triển, lao động dồi dào. D. dân cư đông, nhu cầu tiêu dùng đa dạng.
- Câu 77: Biện pháp chủ yếu ứng phó với biến đổi khí hậu trong nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là
A. phân bố lại sản xuất, phát triển cây ăn quả. B. hoàn thiện quy hoạch, tăng cường thủy lợi.
C. thay đổi cơ cấu sản xuất, sử dụng đất hợp lí. D. phát triển nuôi thủy sản, giảm diện tích lúa.
- Câu 78: Ý nghĩa chủ yếu của việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Bắc Trung Bộ là
A. thay đổi cách thức sản xuất, tạo ra việc làm, nâng cao vị thế của vùng.
B. đổi mới trồng trọt, tăng hiệu quả kinh tế, thay đổi bộ mặt nông thôn.
C. phân bố lại sản xuất, tạo nguyên liệu cho công nghiệp, tăng nông sản.
D. phát huy thế mạnh, phát triển sản xuất hàng hóa, gắn với công nghiệp.
- Câu 79: Biện pháp chủ yếu nâng cao giá trị thủy sản nuôi trồng nước lợ hiện nay ở Duyên hải Nam Trung Bộ là
A. sử dụng các giống mới, mở rộng diện tích. B. tăng cường chế biến, đẩy mạnh xuất khẩu.
C. mở rộng đối tượng nuôi, đẩy mạnh đầu tư. D. ứng dụng tiến bộ kĩ thuật, tăng thâm canh.
- Câu 80: Thuận lợi chủ yếu để chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng là
A. dịch vụ đa dạng, có nhiều đầu tư nước ngoài. B. đô thị hóa phát triển, thị trường tiêu thụ rộng.
C. công nghiệp hóa mạnh, lao động có trình độ. D. dân cư tập trung đông, cơ sở hạ tầng khá tốt.

HẾT

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.